

GIẢI PHÁP NÂNG CAO THU NHẬP CHO HỘ DÂN TỘC KHMER: TRƯỜNG HỢP TỈNH SÓC TRĂNG

Quan Minh Nhựt¹, Lê Ngọc Danh^{2*}, Ngô Thanh Vũ³, Ngô Anh Tuấn²

¹*Trường Kinh Tế, Trường Đại học Cần Thơ*

²*Khoa Kinh tế - Quản lý Công nghiệp, Trường Đại học Kỹ Thuật Công nghệ Cần Thơ*

³*Sở Du lịch tỉnh An Giang*

*Tác giả liên hệ: tslengocdanh@gmail.com

Ngày nhận bài: 08.05.2025

Ngày chấp nhận đăng: 09.09.2025

TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Phương pháp được sử dụng gồm thống kê mô tả và phân tích hồi quy bình phương bé nhất dựa trên dữ liệu khảo sát 110 hộ dân. Kết quả thống kê cho thấy, độ tuổi trung bình của chủ hộ là 50 tuổi, trình độ học vấn trung bình là lớp 5, số thành viên trung bình mỗi hộ là 4 người, diện tích đất canh tác trung bình đạt 7,7 nghìn mét vuông, và thu nhập bình quân của hộ là 158 triệu đồng/năm. Kết quả ước lượng từ mô hình hồi quy cho thấy, trình độ học vấn và diện tích đất canh tác có tác động tích cực đến thu nhập của hộ dân, trong khi thiên tai và dịch bệnh lại làm giảm thu nhập. Từ đó có thể kết luận rằng nâng cao trình độ học vấn và mở rộng diện tích đất sản xuất sẽ góp phần gia tăng thu nhập, trong khi cần có các biện pháp giảm thiểu rủi ro do thiên tai, dịch bệnh để ổn định đời sống kinh tế của hộ dân tộc Khmer tại Sóc Trăng.

Từ khóa: Thu nhập, nông hộ, dân tộc Khmer, tỉnh Sóc Trăng.

Solutions to Increase the Income of Khmer Households: A Case of Soc Trang Province

ABSTRACT

This study aims to identify the determinants of household income among Khmer ethnic communities in Sóc Trăng province, Vietnam. Using survey data from 110 households, descriptive statistics and ordinary least squares (OLS) regression were applied to examine the relationship between socioeconomic characteristics and income. The results reveal that household heads have an average age of 50 years, with an average education level equivalent to grade 5, household size of four members, and a mean cultivated land area of 7.7 thousand square meters. The average household income was found to be 158 million VND per year. Regression estimates indicate that education level and cultivated land area positively affect household income, while natural disasters and epidemics exert negative impacts. These findings suggest that policies aimed at improving educational attainment and ensuring access to farmland, alongside risk mitigation strategies against natural shocks, are essential to enhance and stabilize the economic well-being of Khmer households in Sóc Trăng province.

Keywords: Income, income, Khmer households, Soc Trang province.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển nông thôn và chính sách dân tộc, việc nâng cao thu nhập cho các nhóm dân tộc thiểu số - đặc biệt là người Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) - luôn là một chủ đề mang tính thời sự và có giá trị cả về lý luận lẫn thực tiễn. Về mặt lý luận, nhiều công trình đã khẳng định, thu

nhập là chỉ báo quan trọng phản ánh mức độ tiếp cận cơ hội phát triển, trình độ giáo dục, năng lực sinh kế và mức độ hòa nhập kinh tế - xã hội của các nhóm dân cư yếu thế (Huỳnh Trường Huy & Lê Tấn Nghiêm, 2008; Trương Đông Lộc, 2015; Hoàng Văn Việt, 2020). Các học thuyết phát triển hiện đại như phát triển con người (human development) hay sinh kế bền vững (sustainable livelihoods) đều xem thu

nhập là thành phần cốt lõi để đo lường chất lượng sống (Dinku, 2018; Đinh Phi Hổ & Hoàng Thị Thu Huyền, 2021; Trần Tiến Khai & Nguyễn Ngọc Danh, 2020). Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập góp phần kiểm nghiệm các lý thuyết kinh tế vi mô trong bối cảnh thực tế, giúp điều chỉnh các mô hình phát triển cho phù hợp với điều kiện địa phương. Về mặt thực tiễn, người Khmer tại tỉnh Sóc Trăng còn gặp nhiều rào cản như trình độ học vấn thấp, thiếu đất sản xuất, kỹ năng nghề hạn chế, khả năng tiếp cận tín dụng và công nghệ còn yếu. Điều này dẫn đến thu nhập thấp, tỷ lệ nghèo cao và khả năng phục hồi sau cú sốc (thiên tai, dịch bệnh) kém (Nguyễn Thị Ánh & Nguyễn Thị Nghĩa, 2014).

Mặc dù Chính phủ đã triển khai các chương trình hỗ trợ như chương trình 135, nhưng cần tiếp tục duy trì để giúp họ thoát nghèo bền vững. Để ổn định thu nhập, nhiều hộ Khmer phải tìm thêm nguồn thu ngoài nông nghiệp. Họ cũng nằm trong nhóm các dân tộc gặp khó khăn, được hỗ trợ trong giai đoạn 2021-2025 theo quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Sóc Trăng là một tỉnh thuộc khu vực ĐBSCL có đông đồng bào dân tộc Khmer cao nhất với 362 nghìn người, chiếm 30,18% dân số toàn tỉnh (Niên giám thống kê Sóc Trăng, 2024). Sinh kế của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng chủ yếu từ hoạt động sản xuất nông nghiệp. Trong những năm qua, tỉnh Sóc Trăng đã tập trung đầu tư và thực hiện các chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là dân tộc Khmer nhằm ổn định và nâng cao thu nhập đối với dân tộc này (Nguyễn Thị Ánh & Nguyễn Thị Nghĩa, 2014).

Qua thực tế cho thấy, việc lựa chọn những hoạt động sản xuất tạo sinh kế của đồng bào dân tộc Khmer chịu ảnh hưởng rất lớn từ các yếu tố như: điều kiện tự nhiên, xã hội, con người, đất đai, vật chất, cơ sở hạ tầng (Abate, 2022; Phạm Duy Khánh & Huỳnh Trường Huy, 2021; Nguyễn Thanh Nga & cs., 2022; Lâm Văn Siêng, 2021). Trong bối cảnh và xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế, đồng bào dân tộc Khmer tỉnh Sóc Trăng phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc tiếp cận và

lựa chọn hoạt động tạo thu nhập bền vững. Vì vậy, việc nghiên cứu, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer nhằm đề xuất giải pháp giúp nâng cao thu nhập cải thiện đời sống cho người Khmer tại tỉnh Sóc Trăng là hết sức cần thiết.

Mặc dù đã có nghiên cứu về thu nhập và sinh kế của người Khmer, nhưng phần lớn mang tính mô tả, chưa đi sâu vào lượng hóa các yếu tố ảnh hưởng bằng mô hình định lượng cụ thể tại địa phương. Đặc biệt, tại Sóc Trăng - nơi có đông đồng bào Khmer - vẫn thiếu các nghiên cứu sử dụng dữ liệu điều tra hộ để phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố kinh tế - xã hội và thu nhập. Khoảng trống này cho thấy cần thiết phải thực hiện nghiên cứu định lượng nhằm cung cấp cơ sở thực tiễn cho chính sách giảm nghèo và phát triển sinh kế bền vững cho người Khmer.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Dữ liệu sử dụng

Trong nghiên cứu, quá trình chọn mẫu được thực hiện theo hai tầng. Ở tầng thứ nhất (cấp huyện/thị xã), tác giả xác định 3 địa bàn nghiên cứu gồm huyện Trần Đề, huyện Mỹ Xuyên và thị xã Vĩnh Châu. Tiêu chí phân tầng ở cấp này dựa trên số lượng nông hộ dân tộc Khmer tại các địa phương, nhằm lựa chọn những huyện có tỷ lệ hoặc số lượng người Khmer cao, đại diện cho đặc trưng của đề tài. Đây là phương pháp lựa chọn có chủ đích (purposive selection) trong phân tầng, tức là phân tầng dựa trên đặc điểm dân số, sau đó lấy mẫu từ các tầng đã định. Ở tầng thứ hai, sau khi xác định 3 huyện đại diện. Trong nghiên cứu này, phân bổ mẫu theo tỷ lệ quy mô dân cư ở từng huyện. Cụ thể, huyện Trần Đề 30 hộ chiếm tỷ lệ 27%, huyện Mỹ Xuyên 30 hộ chiếm tỷ lệ 27%, thị xã Vĩnh Châu 50 hộ chiếm tỷ lệ 45%. Các mẫu được chọn theo phương pháp hệ thống từ danh sách đã được cung cấp. Phỏng vấn được thực hiện trực tiếp với các hộ dân bằng bảng câu hỏi có cấu trúc. Sau khi thu thập và xử lý dữ liệu, 110 quan sát đáp ứng yêu cầu nghiên cứu đã được đưa vào phân tích.

2.2. Mô hình nghiên cứu

Các học thuyết như hộ gia đình là đơn vị sản xuất - tiêu dùng (Household Production Theory) cho rằng nông hộ vừa đóng vai trò là đơn vị sản xuất, vừa là chủ thể ra quyết định tiêu dùng, với mục tiêu tối đa hóa lợi ích trên cơ sở các nguồn lực sẵn có của hộ (Becker, 1969). Mô hình này được mở rộng và tích hợp trong khung sinh kế bền vững (Sustainable Livelihood Framework) do DFID (1999) phát triển, nhấn mạnh rằng thu nhập là kết quả của sự kết hợp giữa các loại tư liệu sinh kế (natural, physical, human, social và financial capital) và các chiến lược sinh kế mà hộ lựa chọn để thích ứng với điều kiện môi trường, xã hội và thể chế hiện hành (Ellis, 2000). Khung lý thuyết này là nền tảng phổ biến trong nghiên cứu phát triển nông thôn, đặc biệt khi phân tích động lực thu nhập và khả năng chống chịu của nông hộ trong bối cảnh rủi ro ngày càng phức tạp. Theo các nghiên cứu của các tác giả (Abate, 2022; Abera & cs., 2021; Phạm Duy Khánh & Huỳnh Trường Huy, 2021; Nguyễn Thanh Nga & cs., 2022; Sarker & cs., 2020; Lâm Văn Siêng, 2021; Hoàng Văn Việt, 2020), thu nhập của nông hộ chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, bao gồm: độ tuổi; học vấn; số người trong hộ; vay vốn; diện tích đất canh tác; tham gia đoàn thể; thiên tai dịch bệnh; phương tiện sản xuất, có đào tạo nghề và tham gia hội.

Học vấn đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của mỗi cá nhân và gia đình, bởi nó quyết định lợi thế của mỗi người trong việc tạo ra thu nhập. Người có trình độ học vấn cao thường có khả năng tiếp thu và ứng dụng các kỹ thuật mới vào sản xuất, đồng thời biết cách sử dụng hiệu quả các nguồn lực khác (Đinh Phi Hồ & Hoàng Thị Thu Huyền, 2021; Trần Tiến Khai & Nguyễn Ngọc Danh, 2020; Sarker & cs., 2020). Ngoài ra, học vấn còn giúp nâng cao khả năng tiếp cận và xử lý thông tin thị trường, từ đó mở ra cơ hội tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp, góp phần gia tăng thu nhập.

Số lượng thành viên trong hộ gia đình là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, cả về số lượng và về chất lượng lao động. Trong bối cảnh sản xuất chưa được cơ giới hóa

nhiều, số lượng lao động vẫn là yếu tố then chốt giúp gia tăng thu nhập cho nông hộ (Ahmed & cs., 2018; Dinku, 2018; Hoàng Thị Hồng Quế & Trần Nam Thắng, 2020). Tuy nhiên, do tính chất thời vụ của công việc và trình độ lao động còn hạn chế, nhiều lao động khó có thể tham gia vào các hoạt động phi nông nghiệp, dẫn đến tình trạng lao động nhàn rỗi ở khu vực nông thôn vẫn khá phổ biến. Vì vậy, mặc dù nông hộ có thể có nhiều lao động, nhưng thu nhập lại không cao, bởi một số lao động không trực tiếp đóng góp vào việc tạo ra thu nhập.

Độ tuổi của chủ hộ có ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập và là một yếu tố quan trọng trong việc phân tầng mức sống của hộ gia đình. Những hộ gia đình có chủ hộ lớn tuổi thường có nhiều năm kinh nghiệm trong lao động sản xuất và tích lũy tài chính, vì vậy họ có điều kiện thuận lợi hơn về cả mặt sống và sản xuất. Đa số các hộ có chủ hộ lớn tuổi thường có vốn và tài sản tích lũy qua nhiều năm, giúp họ dễ dàng đầu tư và phát triển sản xuất, từ đó nâng cao thu nhập (Nguyễn Thị Ngọc Diệu, 2015; Nguyễn Lan Duyên, 2014; Yu & Zhu, 2013).

Vay vốn là một yếu tố quan trọng đối với nông hộ, đặc biệt trong bối cảnh thu nhập của nông dân hiện nay vẫn còn thấp, không đủ để tích lũy và tái đầu tư. Các nguồn vốn tài trợ từ ngân sách nhà nước rất hạn chế, vì phải phân bổ cho các khu vực ưu tiên khác, trong khi đó, các nguồn vốn bán chính thức và phi chính thức thường nhỏ lẻ và ít được sử dụng trong sản xuất. Vì vậy, tín dụng chính thức trở nên vô cùng quan trọng đối với nông hộ, giúp họ có thể tiếp cận nguồn lực tài chính để đầu tư và phát triển sản xuất (Nguyễn Quốc Nghi & Bùi Văn Trịnh, 2011; Lê Khương Ninh, 2011).

Diện tích đất canh tác là một yếu tố quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, vì đất là tư liệu sản xuất chủ yếu và khó thay thế. Do phần lớn thu nhập của nông hộ phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp, mà sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam chủ yếu vẫn dựa vào phương pháp thủ công và diện tích đất, nên quy mô đất đai sẽ quyết định mức thu nhập. Việc thiếu đất hoặc chỉ có ít đất sản xuất sẽ hạn chế khả năng cải thiện thu nhập, bởi diện tích nhỏ sẽ khó có thể

áp dụng các kỹ thuật canh tác hiện đại. Điều này dẫn đến việc sản phẩm có chất lượng kém, không đồng đều, từ đó giá trị sản phẩm thấp nhưng giá thành lại cao (Dương Hoàng Lộc, 2015; Newman & Kinghan, 2015; Nguyễn Quốc Nghi & cs., 2011; Scoones, 2009).

Tham gia các đoàn thể là một yếu tố quan trọng giúp nông hộ mở rộng mối quan hệ với cộng đồng, nâng cao kiến thức về sản xuất nông nghiệp và đồng thời tăng thu nhập. Khi tham gia đoàn thể, nông hộ có cơ hội được tham gia các khóa tập huấn về kỹ thuật tiên tiến, tiếp cận các chương trình hỗ trợ từ nhà nước và các tổ chức khác, từ đó cải thiện hiệu quả sản xuất và nâng cao thu nhập (Hoàng Thị Hồng Quế & Trần Nam Thắng, 2020).

Được đào tạo nghề ảnh hưởng đến thu nhập của hộ Khmer tỉnh Sóc Trăng. Hộ được đào tạo nghề sẽ có những lợi thế rõ rệt so với những hộ không được đào tạo nghề, đặc biệt trong bối cảnh phát triển nông thôn và sự chuyển đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp (Chilongo, 2014; Đinh Phi Hồ & Hoàng Thị Thu Huyền, 2021; Jihai & Guozhong, 2013).

Thiên tai và dịch bệnh là những yếu tố ngẫu nhiên, ngoài tầm kiểm soát của nông dân, nhưng lại có ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp, bao gồm yếu tố thời tiết, thổ nhưỡng và điều kiện tự nhiên khác. Nông hộ không thể chủ động ứng phó với thiên tai xảy ra bất ngờ, điều này dẫn đến sự suy giảm thu nhập của họ (Achiba, 2018; Gautam & Andersen, 2016; Trần Văn Kham & Nguyễn Văn Chiêu, 2016; Hoàng Văn Việt, 2020).

Phương tiện sản xuất là yếu tố đầu vào không thể thiếu trong sản xuất nông nghiệp, bởi nông hộ cần có máy móc để chủ động trong việc tính toán thời vụ và giảm thiểu rủi ro, qua đó nâng cao thu nhập. Bên cạnh đó, phương tiện sản xuất còn giúp nông hộ đầu tư vào việc phát triển các kỹ thuật mới và đa dạng hóa loại hình sản xuất, từ đó tránh tình trạng phải bán sản phẩm với giá thấp (Ahmed & cs., 2018; Nguyễn Thị Ngọc Diệu, 2015; Võ Thành Khởi, 2015).

Khoảng cách từ nhà đến chợ huyện là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến thu nhập của nông

hộ. Với đặc thù của nông sản dễ hư hỏng, khó bảo quản và thường thu hoạch theo mùa vụ, nông hộ thường phải bán sản phẩm ngay sau khi thu hoạch cho thương lái với giá thấp. Tuy nhiên, các nông hộ sống gần đô thị (thị tứ, thị trấn, thị xã hoặc thành phố) sẽ có lợi thế hơn, khi có thể bán sản phẩm trực tiếp đến tay người tiêu dùng, giúp nâng cao giá bán. Bên cạnh đó, chi phí vận chuyển thấp hơn và sản phẩm ít bị hư hỏng hơn cũng góp phần làm tăng thu nhập cho các hộ này (Azizur & Carl, 2023; Nguyễn Thanh Nga & cs., 2022; Lâm Văn Siêng, 2021).

Trên cơ sở lý thuyết của (Becker, 1969; Ellis, 2000), bài viết xây dựng mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_i X_i + \varepsilon_i \quad (1)$$

Trong mô hình (1), Y là ln (tổng thu nhập của nông hộ). Ý nghĩa của các biến và kỳ vọng về dấu của các hệ số β trong mô hình (1) được trình bày trong bảng 1.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm nông hộ dân tộc Khmer tại tỉnh Sóc Trăng

3.1.1. Đặc điểm tự nhiên

Theo quan sát tại 110 nông hộ dân tộc Khmer ở tỉnh Sóc Trăng. Số tuổi trung bình của chủ hộ là 50 tuổi, với độ tuổi thấp nhất là 18 và cao nhất là 83. Trình độ học vấn của chủ hộ dân tộc Khmer trong khu vực nghiên cứu là khá thấp, trung bình đạt trình độ lớp 5, tuy nhiên, cũng có một số hộ không đi học, trong khi một số hộ có trình độ học vấn lên tới lớp 12. Số thành viên trung bình trong mỗi gia đình là 4 người, với hộ có số thành viên cao nhất lên tới 8 người và thấp nhất là 1 người. Trong 110 người thì có 76% được tập huấn và đào tạo nghề. Những thông tin này phản ánh khá rõ nét về tình hình xã hội của dân tộc Khmer tại tỉnh Sóc Trăng, cũng như tương đồng với đặc điểm chung của các tỉnh trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (Hứa Thị Phương Chi & Nguyễn Minh Đức, 2016; Nguyễn Thị Huệ, 2020; Huỳnh Trường Huy & cs., 2020; Tran Tien Khai & Nguyen Ngoc Danh, 2014).

Bảng 1. Ý nghĩa của các biến và kỳ vọng về dấu của các hệ số β

Tên biến	Diễn giải	Đơn vị đo lường	Kỳ vọng về dấu của các hệ số β
Biến phụ thuộc			
Y	Tổng thu nhập của nông hộ Khmer	Triệu đồng/năm/hộ	
Ln(Y)	Biến dạng sử dụng trong mô hình		
Biến độc lập			
X1	Số tuổi	Năm	+
X2	Học vấn; số năm đi học	Năm	+
X3	Số người trong hộ: số người trong cùng hộ khẩu	Người	+
X4	Vay vốn: khả năng tiếp cận vay vốn của nông hộ	1 = có; 0 = không	+
X5	Diện tích đất canh tác: Tổng diện tích đất nhà và đất thuê canh tác nông nghiệp	1.000m ²	+
X6	Tham gia đoàn thể: tham gia các hội nông dân, hội phụ nữ, hợp tác xã tại địa phương	1 = có; 0 = không	+
X7	Thiên tai dịch bệnh: rủi ro do dịch bệnh, thiên tai do tự nhiên	1 = có; 0 = không	-
X8	Phương tiện sản xuất: có máy cày, máy cắt, máy bơm nước	1 = có; 0 = không	+
X9	Đào tạo nghề: có tham gia vào được đào tạo nghề	1 = có; 0 = không	+
X10	Khoảng cách từ nhà đến chợ trung tâm	km	-

Bảng 2. Mô tả các biến trong mô hình nghiên cứu

Đặc điểm	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Số tuổi (số năm)	50,4	12,6	18	83
Trình độ học vấn (số năm học tập)	4,7	3,2	0	12
Số thành viên trong gia đình (người)	3,9	1,6	1	8
Tỷ lệ có vay vốn (%)	8,2			
Diện tích (1.000m ²)	7,7	11,4	0	80
Có tham gia hội (%)	23,6			
Có ảnh hưởng thiên tai (%)	37,1			
Có phương tiện sản xuất (%)	41,8			
Đào tạo nghề (%)	76			
Khoảng cách từ nhà đến chợ (km)	5,6	4,7	0	16

Ghi chú: Kết quả điều tra nông hộ năm 2022 (n = 110).

Khoảng cách trung bình từ nhà đến chợ của các nông hộ là 5,6km, trong đó có những hộ gần chợ chỉ cách 0km, nhưng cũng có hộ phải di chuyển đến chợ xa tới 16km. Tỷ lệ chủ hộ dân tộc Khmer tham gia các tổ chức như Hội Nông dân và Hội Phụ nữ là khá thấp, chỉ chiếm 23,6% trong tổng số 110 hộ được phỏng vấn. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ Khmer tiếp cận được nguồn vay vốn từ Chính phủ lại thấp hơn, chỉ chiếm 8,2%. Các đặc điểm xã hội này phản ánh đúng tình

hình chung của dân tộc Khmer tại tỉnh Sóc Trăng và cũng tương đồng với các số liệu trong Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2020, cũng như kết quả từ một số nghiên cứu tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (Hứa Thị Phương Chi & Nguyễn Minh Đức, 2016; Nguyễn Thị Huệ, 2020; Tran Tien Khai & Nguyen Ngoc Danh, 2014; Phạm Duy Khánh & Huỳnh Trường Huy, 2021; Huỳnh Thị Đan Xuân & Mai Văn Nam, 2011).

Diện tích đất canh tác trung bình của các hộ dân tộc Khmer là 7,7 nghìn mét vuông, tuy nhiên, vẫn có những hộ không sở hữu diện tích đất canh tác, trong khi một số hộ lại có diện tích lên đến 80 nghìn mét vuông. Tỷ lệ hộ có phương tiện sản xuất là 41,8%. Ngoài ra, có đến 37,1% số hộ bị ảnh hưởng bởi thiên tai hoặc dịch bệnh, điều này gây ảnh hưởng lớn đến thu nhập của các nông hộ. Những con số này phù hợp với số liệu trong Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng và cũng tương đồng với các nghiên cứu được thực hiện tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (Azizur & Carl, 2023; Hứa Thị Phương Chi & Nguyễn Minh Đức, 2016; Nguyễn Thị Huệ, 2020; Tran Tien Khai & Nguyen Ngoc Danh, 2014; Phạm Duy Khánh & Huỳnh Trường Huy, 2021; Lâm Văn Siêng, 2021; Huỳnh Thị Đan Xuân & Mai Văn Nam, 2011).

3.1.2. Đặc điểm thu nhập của nông hộ

Thu nhập bình quân của các hộ dân tộc Khmer tại tỉnh Sóc Trăng là 158 triệu đồng/năm, tuy nhiên, mức thu nhập này có sự chênh lệch lớn giữa các hộ, dao động từ 23 triệu đồng đến 571 triệu đồng/năm. Hộ có thu nhập thấp nhất là 23 triệu đồng/năm. Thu nhập bình quân trên đầu người của hộ Khmer tại tỉnh Sóc Trăng là 42 triệu đồng/người/năm, với sự chênh lệch lớn giữa các hộ, từ 9,2 triệu đồng đến 146 triệu đồng/người/năm. Hộ có thu nhập thấp nhất là 25 triệu đồng/người/năm, thấp hơn nhiều so với mức thu nhập bình quân tại các vùng nông thôn ĐBSCL, là 36 triệu đồng/người/năm (Bộ NN&PTNT, 2024). Về cơ cấu thu nhập của dân tộc Khmer tại tỉnh Sóc Trăng, hoạt động chăn nuôi chiếm tỷ trọng lớn nhất với 30%, tiếp theo là thu nhập từ lương với 33,9%, hoạt động mua bán chiếm 15,5% và trồng trọt chiếm 9,1%. Cuối cùng, các hoạt động khác (chạy xe ôm, làm thuê nông nghiệp, thu nhập từ người thân) chiếm 11,5%. Kết quả này cũng tương đồng với số liệu trong Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2024 và một số nghiên cứu khác tại các tỉnh ĐBSCL.

3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân tộc khmer tại tỉnh Sóc Trăng

Để xem xét mối liên hệ tương quan giữa biến phụ thuộc (tổng thu nhập nông hộ) và các biến

độc lập (X_1 = Tuổi; X_2 = Học vấn; X_3 = Số người trong hộ; X_4 = Vay vốn; X_5 = Diện tích đất canh tác; X_6 = Tham gia đoàn thể; X_7 = Thiên tai dịch bệnh; X_8 = Phương tiện sản xuất; X_9 = Đào tạo nghề; X_{10} = Khoảng cách từ nhà đến chợ). Kết quả ước lượng cho thấy, mô hình có ý nghĩa rất cao (1%) và chỉ ra các yếu tố có ảnh hưởng đến thu nhập của mô hình. Kết quả kiểm định đa cộng tuyến bằng hệ số phóng đại phương sai (VIF) cho thấy tất cả các biến đều có VIF nhỏ hơn 2, với giá trị trung bình là 1,32, chứng tỏ không tồn tại hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Bên cạnh đó, kiểm định phương sai sai số thay đổi theo Breusch-Pagan cho kết quả Chi-squared = 0,14 và P-value = 0,7077 (lớn hơn 0,05), cho thấy không có đủ bằng chứng để bác bỏ giả thuyết H_0 về phương sai không đổi. Như vậy, mô hình không vi phạm các giả định cơ bản của hồi quy tuyến tính, đảm bảo tính phù hợp cho việc diễn giải và dự báo.

Từ bảng thống kê phân tích các hệ số hồi quy (Bảng 4) cho thấy đối với thu nhập của nông hộ thì có hai biến độc lập có ý nghĩa thống kê tích cực trong đó:

Đầu tiên, biến X_5 (diện tích đất canh tác) có hệ số dương với mức ý nghĩa 5%, cho thấy diện tích đất canh tác của chủ hộ có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập. Cụ thể, với hệ số $\beta = 0,008$, nghĩa là khi diện tích đất tăng thêm 1.000m², thu nhập của nông hộ Khmer tại tỉnh Sóc Trăng sẽ tăng lên 8%. Điều này cho thấy mối quan hệ trực tiếp giữa diện tích đất canh tác và thu nhập của nông hộ: diện tích càng lớn, thu nhập càng cao. Kết quả này cũng phù hợp với các nghiên cứu trước đây của (Azizur & Carl, 2023; Nguyễn Thanh Nga & cs., 2022; Sarker & cs., 2020; Lâm Văn Siêng, 2021; Hoàng Văn Việt, 2020).

Biến X_2 (học vấn) có hệ số dương với mức ý nghĩa 1%, chỉ ra rằng học vấn của chủ hộ có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập. Cụ thể, với hệ số $\beta = 0,096$, điều này có nghĩa là khi trình độ học vấn của chủ hộ tăng lên 1 năm, thu nhập của nông hộ Khmer tại tỉnh Sóc Trăng sẽ tăng 9,6%. Tức là, trình độ học vấn càng cao, thu nhập của nông hộ càng cao và điều này hoàn toàn phù hợp với các nghiên cứu trước đây của Nguyễn Thị Huệ (2020); Phạm Duy Khánh & Huỳnh Trường Huy (2021); Nguyễn Thanh Nga & cs. (2022); Lâm Văn Siêng (2021).

Bảng 3. Cơ cấu thu nhập của hộ dân tộc Khmer tại tỉnh Sóc Trăng (Triệu đồng/năm)

Thu nhập	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Nhỏ nhất	Lớn nhất
Thu nhập/hộ	158	114	23	571
Thu nhập/người	42	25	9,2	146
Cơ cấu thu nhập*				
Trồng trọt (%)	9,1			
Chăn nuôi (%)	30			
Mua bán (%)	15,5			
Cán bộ công chức (%)	33,9			
Khác (%)	11,5			

Ghi chú: Số liệu điều tra nông hộ 2022 (n = 110); *: Tổng thu nhập của 110 hộ nuôi của là 17.368 triệu đồng; Thu nhập khác là từ các nghề nghiệp khác bao gồm nhiều nghề như chạy xe ôm, làm thuê nông nghiệp, từ người thân.

Bảng 4. Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân tộc khmer tại Tỉnh Sóc Trăng

Biến số	Hệ số β	Sai số chuẩn	Hệ số P > t/
X1 = Tuổi	-0,0005 ^{ns}	0,005	0,920
X2 = Học vấn	0,096 ^{***}	0,02	0,000
X3 = Số thành viên trong gia đình	-0,009 ^{ns}	0,614	0,889
X4 = Tỷ lệ vay vốn	0,276 ^{ns}	0,392	0,483
X5 = Diện tích đất canh tác	0,008 ^{**}	0,004	0,021
X6 = Tham gia hội	0,278 ^{ns}	0,192	0,152
X7 = Thiên tai dịch bệnh	-0,042 [*]	0,220	0,093
X8 = Phương tiện sản xuất	0,026 ^{ns}	0,129	0,867
X9 = Đào tạo nghề	-0,205 ^{ns}	0,679	0,764
X10 = Khoảng cách từ nhà đến chợ	-0,042 ^{ns}	0,03	0,165
R ²		0,259	
R ² hiệu chỉnh		0,184	
Giá trị kiểm định mô hình		0,000	

Ghi chú: Số liệu điều tra nông hộ 2020 (n = 110); *, **, *** và ns mức ý nghĩa 10%, 5% và 1% và không ý nghĩa.

Biến X7 (thiên tai, dịch bệnh) có hệ số âm với mức ý nghĩa 10%, chỉ ra ảnh hưởng tiêu cực của thiên tai và dịch bệnh đến thu nhập của nông hộ. Cụ thể, với hệ số $\beta = -0,0042$, điều này có nghĩa là mỗi khi thiên tai hoặc dịch bệnh xảy ra, thu nhập của nông hộ Khmer tại tỉnh Sóc Trăng sẽ giảm 4,2% so với thu nhập trong năm. Tức là, sự gia tăng các yếu tố thiên tai và dịch bệnh sẽ dẫn đến sự suy giảm thu nhập của nông hộ và kết quả này phù hợp với các nghiên cứu

trước đây của Đinh Phi Hổ & Hoàng Thị Thu Huyền (2021); Nguyễn Thị Huệ (2020); Phạm Duy Khánh & Huỳnh Trường Huy (2021); Nguyễn Thanh Nga & cs. (2022); Lâm Văn Siêng (2021).

3.3. Giải pháp

Từ kết quả nghiên cứu và thực tế ở tỉnh Sóc Trăng, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ như sau:

Về trình độ học vấn:

Trình độ học vấn của chủ hộ và các thành viên trong hộ dân tộc Khmer có ảnh hưởng lớn đến thu nhập của họ. Do đó, việc nâng cao trình độ học vấn là một yếu tố quan trọng để cải thiện thu nhập cho nông hộ. Để thực hiện điều này, Nhà nước cần phát triển hệ thống giáo dục tại khu vực nông thôn, bao gồm các hình thức học tập đa dạng như học chính quy, học không chính quy và các khóa học ngắn hạn. Đồng thời, cần có chính sách hỗ trợ và khuyến khích các thành viên trẻ trong hộ dân tộc tham gia học tập và nâng cao trình độ học vấn. Các hoạt động như vận động người dân tộc tham gia các chương trình phổ cập giáo dục, thành lập câu lạc bộ đọc sách, xây dựng thư viện cộng đồng và mở lớp bồi dưỡng văn hóa cần được triển khai, đặc biệt là tập trung vào đối tượng người Khmer nghèo. Hơn nữa, cần huy động tối đa trẻ em người Khmer trong độ tuổi đi học ở tất cả các bậc học, đồng thời giảm thiểu tình trạng bỏ học ở các cấp học trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Về diện tích đất canh tác:

Một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao thu nhập cho nông hộ Khmer tại Sóc Trăng là tăng cường khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả diện tích đất canh tác. Trong bối cảnh nhiều hộ Khmer hiện có diện tích đất nhỏ, manh mún hoặc thiếu đất sản xuất, chính quyền địa phương cần rà soát, bố trí lại quỹ đất công, đất rừng và đất nông nghiệp chưa sử dụng để ưu tiên giao đất hoặc cho thuê dài hạn đối với hộ dân tộc thiểu số có nhu cầu. Bên cạnh đó, cần khuyến khích các mô hình liên kết sản xuất, hợp tác xã, hoặc liên canh, luân canh tập thể nhằm tối ưu hóa diện tích đất và giảm chi phí đầu vào. Đồng thời, hỗ trợ kỹ thuật canh tác, giống cây trồng phù hợp và tiếp cận tín dụng sẽ giúp hộ sử dụng đất hiệu quả hơn, từ đó nâng cao năng suất và thu nhập ổn định, bền vững.

Về tác động của thiên tai và dịch bệnh:

Thiên tai và dịch bệnh luôn là những yếu tố đe dọa đến sản xuất nông nghiệp và thu nhập của hộ dân tộc Khmer. Để giảm thiểu tác động này, nông hộ cần thực hiện canh tác theo

khuyến cáo của các trung tâm khuyến nông, đồng thời theo dõi thông tin về thiên tai và dịch bệnh để có biện pháp phòng ngừa kịp thời. Tham gia bảo hiểm nông nghiệp là giải pháp hữu hiệu để đảm bảo hỗ trợ tài chính khi có rủi ro xảy ra. Chính quyền địa phương cần tăng cường công tác dự báo và cảnh báo về thiên tai và dịch bệnh, đồng thời tuyên truyền và vận động nông hộ tham gia bảo hiểm nhằm giảm thiểu rủi ro cho sản xuất và thu nhập của hộ dân tộc Khmer.

4. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát 110 hộ dân tộc Khmer cho thấy, chủ hộ có độ tuổi trung bình là 50, trình độ học vấn trung bình đạt lớp 5 và mỗi gia đình có trung bình 4 thành viên. Diện tích đất canh tác trung bình của các hộ là 7,7 nghìn mét vuông, với thu nhập bình quân đạt 158 triệu đồng mỗi năm. Các yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của các hộ là trình độ học vấn và diện tích đất canh tác, điều này cho thấy việc nâng cao trình độ học vấn và mở rộng diện tích canh tác có thể giúp tăng thu nhập cho các hộ gia đình. Ngược lại, thiên tai và dịch bệnh lại có ảnh hưởng tiêu cực đáng kể đến thu nhập, làm giảm khả năng sản xuất và gia tăng khó khăn cho các hộ nông dân. Những kết quả này không chỉ phản ánh thực trạng thu nhập của nông hộ Khmer tại tỉnh Sóc Trăng mà còn mở ra các hướng giải pháp để cải thiện thu nhập, bao gồm việc nâng cao trình độ học vấn, hỗ trợ mở rộng diện tích đất canh tác, và xây dựng các chính sách phòng chống thiên tai và dịch bệnh hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abate, Chala Amante (2022). The relationship between aid and economic growth of developing countries: does institutional quality and economic freedom matter? Cogent Economics Finance. 10(1): 2062092. <https://doi.org/10.1080/23322039.2022.2062092>.
- Abera A., Yirgu T. & Uncha A. (2021). Determinants of rural livelihood diversification strategies among Chewaka resettlers' communities of southwestern Ethiopia. Agriculture & Food Security. 10(1): 1-19. <https://doi.org/10.1186/s40066-021-00305-w>.

- Achiba Gargule Andrew (2018). Managing livelihood risks: Income diversification and the livelihood strategies of households in pastoral settlements in Isiolo County, Kenya. *Pastoralism*. 8(1): 1-15. <https://doi.org/10.1186/s13570-018-0120-x>
- Ahmed M.T., Bhandari H., Gordoncillo P.U., Quicoy C.B. & Carnaje G.P. (2018). Factors affecting extent of rural livelihood diversification in selected areas of Bangladesh. *SAARC Journal of Agriculture*. 16(1): 7-21. <https://doi.org/10.3329/sja.v16i1.37419>
- Azizur Rahman Khan & Carl Riskin (2023). Income and inequality in China: composition, distribution and growth of household income, 1988 to 1995. *Journal Article*. pp. 221-253.
- Becker Abraham Samuel (1969). *Soviet National Income 1958-1964*. Univ of California Press.
- Chilongo Thabbie Maxwell Saukira (2014). Forests and livelihoods in Malawi: looking beyond aggregate income shares. (Philosophiae Doctor): School of Economics and Business Norwegian University of Life Sciences.
- Đinh Phi Hồ & Hoàng Thị Thu Huyền (2021). Một số giải pháp nhằm nâng cao thu nhập của nông hộ vùng Trung du ở tỉnh Phú Thọ. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*. tr. 26-30.
- Dinku Amare Molla (2018). Determinants of livelihood diversification strategies in Borena pastoralist communities of Oromia regional state, Ethiopia. *Agriculture Food Security*. 7(1): 1-8. <https://doi.org/10.1186/s40066-018-0192-2>.
- Dương Hoàng Lộc (2015). Phát triển bền vững xã hội tộc người Khmer Nam bộ từ thực tiễn đến giải pháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh*. 06.
- Ellis Frank (2000). *Rural livelihoods and diversity in developing countries*. Oxford university press.
- Gautam Yograj & Andersen Peter (2016). Rural livelihood diversification and household well-being: Insights from Humla, Nepal. *Journal of Rural Studies*. 44: 239-249.
- Hoàng Thị Hồng Quế & Trần Nam Thắng (2020). Đa dạng sinh kế và thu nhập của nông hộ vùng trồng keo ở miền núi Tỉnh Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*. 129(3B): 55-68-55-68.
- Hoàng Văn Việt. (2020). Quản lý xã hội của cộng đồng dân tộc thiểu số ở đồng bằng sông Cửu Long, một cách tiếp cận. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quảng Bình*.
- Hứa Thị Phương Chi & Nguyễn Minh Đức (2016). Những nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở vùng ĐBSCL. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Văn Hiến*. 4(3).
- Huỳnh Thị Đan Xuân & Mai Văn Nam (2011). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ chăn nuôi gia cầm ở Đồng bằng Sông Cửu long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. 17b: 87-96.
- Huỳnh Trường Huy, Nguyễn Thị Tú Trinh & Phí Thị Đan Thanh (2020). Phân tích ảnh hưởng của chương trình tín dụng chính sách đối với thu nhập của hộ dân tộc Khmer Tại Tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc thiểu số*. 9(3).
- Lâm Văn Siêng (2021). Những yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân trồng lúa tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính-Marketing*. 64(4): 66-78.
- Lê Khương Ninh (2011). Giải pháp hạn chế tín dụng phi chính thức ở nông thôn. *Tạp chí Ngân hàng*. 5: 52-57.
- Newman Carol & Kinghan Christina (2015). Economic transformation and the diversification of livelihoods in rural Viet Nam (9292309536). ResearchGate.
- Nguyễn Lan Duyên (2014). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ ở An Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang*, số 3(2), 63-69.
- Nguyễn Quốc Nghi & Bùi Văn Trịnh (2011). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân tộc thiểu số ở Đồng bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. (18a): 240-250.
- Nguyễn Quốc Nghi, Trần Quế Anh & Bùi Văn Trịnh (2011). Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*.
- Nguyễn Thanh Nga, Đàm Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Tuyết Mai & Trịnh Thị Hương (2022). Ảnh hưởng của đa dạng sinh kế tới thu nhập của nông hộ tại Việt Nam: Kết quả từ phương pháp phân tích đa hợp. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*. 227(12): 86-95
- Nguyễn Thị Ánh & Nguyễn Thị Nghĩa (2014). Thực trạng, giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với đồng bào dân tộc Khmer ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*. (30): 84-91.
- Nguyễn Thị Huệ (2020). Kết quả khảo sát các nguyên nhân tác động đến đời sống của người khmer việt nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học*. 17(10): 1867
- Nguyễn Thị Ngọc Diệu (2015). Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của đồng bào dân tộc Khmer huyện Trà Cú tỉnh Trà Vinh. *Luận văn thạc sỹ kinh tế học*, Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh.
- Phạm Duy Khánh & Huỳnh Trường Huy (2021). Phân tích sự đóng góp của vốn nhân lực đến thu nhập và chênh lệch thu nhập theo yếu tố dân tộc tại đồng

- bằng sông Cửu Long. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á. 32(8).
- Sarker Md Nazirul Islam, Wu Min, Alam GM Monirul & Shouse Roger C. (2020). RETRACTED: Livelihood diversification in rural Bangladesh: Patterns and determinants in disaster prone riverine islands. In: Elsevier.
- Scoones Ian (2009). Livelihoods perspectives and rural development. The journal of peasant studies. 36(1): 171-196.
- Tran Tien Khai & Nguyen Ngoc Danh (2014). Determinants Of Income Diversification And Its Effect On Household Income In Rural Vietnam. Journal of Economic Development. 221: 20-41.
- Trần Tiến Khai & Nguyễn Ngọc Danh (2020). Những yếu tố quyết định đa dạng hóa thu nhập và ảnh hưởng đối với thu nhập hộ gia đình nông thôn Việt Nam. Tạp chí Phát triển kinh tế. tr. 22-43.
- Trần Văn Kham & Nguyễn Văn Chiều (2016). Nghiên cứu về thực trạng đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số tại đô thị và khu công nghiệp: nhìn từ khía cạnh việc làm và thu nhập. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam. 11(12).
- Võ Thành Khởi (2015). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre. Tạp chí Khoa học Đại học Trà Vinh. 18: 59-65.
- Yu J. & Zhu G. (2013). How uncertain is household income in China. Economics Letters. 120(1): 74-78.
- Yu Jihai & Zhu Guozhong (2013). How uncertain is household income in China. Economics Letters. 120(1): 74-78. <https://doi.org/10.1080/23322039.2022.2062092>.